

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ G VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-PT
Ngày 14-3-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ G VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Hải

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Huế- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo Bùi Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Trần Trọng G, Nguyễn Cao C, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2023/HS-ST ngày 15-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Kim L sinh ngày 29-11-1990 tại tỉnh Yên Bái; cư trú tại: Tổ 06, phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức N1 (Đã chết) và bà Phạm Thị Minh L1 sinh năm 1974; chồng là Đào Mai L2 sinh năm 1988 (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn T sinh ngày 24-9-1985 tại tỉnh Yên Bái; nơi Đăng ký thường trú: Thôn KM, xã VH, huyện TY, tỉnh Yên Bái; nơi tạm trú và chỗ ở hiện tại: Tổ 02, phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1965; vợ là Hoàng Thu H1 sinh năm 1993 và có 03 con (Con lớn nhất

sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Duy N sinh ngày 02-4-1968 tại tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Tổ dân phố CD, phường NC, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy K và bà Đào Thị T3 (Đều đã chết); vợ là Phạm Thị Minh T4 sinh năm 1968 và có 02 con (Con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Cao C sinh ngày 21-7-1985 tại tỉnh Yên Bái; cư trú tại: Tổ 02, phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn K1 sinh năm 1958 và bà Lưu Thị T5 sinh năm 1961; vợ là Hoàng Thị Tuyết M1 sinh năm 1990 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

5. Trần Trọng G sinh ngày 01-10-1987 tại tỉnh Yên Bái; cư trú tại: Thôn ĐK, xã AL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T6 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T7 sinh năm 1966; vợ là Nguyễn Thị H2 sinh năm 1989 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo khác không có kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với bị cáo Bùi Kim L:

1.1. Về hành vi đánh bạc: Trong thời gian từ ngày 22/11/2022 đến ngày 13/12/2022, tại thành phố YB, Bùi Kim L nhiều lần bán số lô, số đề cho Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Lê Thị Thanh E, cụ thể như sau:

- *Bùi Kim L bán số lô cho Nguyễn Cao C các lần như sau:*

+ Lần 1: Ngày 22/11/2022, C mua của L: 1020 điểm lô x 21.800 đồng = 22.236.000 đồng. Trúng 200 điểm lô x 80.000đ/1điểm = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 38.236.000 đồng (L thắng 6.236.000 đồng).

+ Lần 2: Ngày 23/11/2022, C mua của L: 1650 điểm lô x 21.800 đồng = 35.970.000 đồng. Trúng 450 điểm lô x 80.000 đồng/1điểm = 36.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 71.970.000 đồng (C thắng 30.000 đồng).

+ Lần 3: Ngày 24/11/2022, C mua của L: 770 điểm lô x 21.800 đồng = 16.786.000 đồng. Trúng 100 điểm lô x 80.000 đồng/1điểm = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 24.786.000 đồng (L thắng 8.786.000 đồng).

+ Lần 4: Ngày 25/11/2022, C mua của L: 1550 điểm lô x 21.800 đồng = 33.790.000 đồng. Trúng 200 điểm lô x 80.000 đồng/1điểm = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 49.790.000 đồng (L thắng 17.790.000 đồng).

+ Lần 5: Ngày 26/11/2022, C mua của L: 2200 điểm lô x 21.800 đồng = 47.960.000 đồng. Trúng 400 điểm lô x 80.000 đồng/1điểm = 32.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 79.960.000 đồng (L thắng 15.960.000 đồng).

+ Lần 6: Ngày 27/11/2022, C mua của L: 750 điểm lô x 21.800 đồng = 16.350.000 đồng. Trúng 250 điểm lô x 80.000 đồng/1điểm = 20.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 36.350.000 đồng (C thắng 3.650.000 đồng).

+ Lần 7: Ngày 28/11/2022, C mua của L: 750 điểm lô x 21.800 đồng = 16.350.000 đồng. Không trúng thưởng (L thắng 16.350.000 đồng).

Tổng cộng L đã 07 lần bán số lô, số đề cho Nguyễn Cao C như đã nêu trên với tổng số tiền là: 38.236.000đ + 71.970.000đ + 24.786.000đ + 49.790.000đ + 79.960.000đ + 36.350.000đ + 16.350.000đ = 317.442.000 đồng.

- Bùi Kim L bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T các lần như sau:

+ Lần 1: Ngày 03/12/2022, T mua của L: 53.000.000 đồng tiền đề, T được L trừ 27% nên số tiền phải trả là: 38.690.000 đồng. Trúng 1.000.000 đồng x 70 lần = 70.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 123.000.000 đồng (T thắng 31.310.000 đồng).

+ Lần 2: Ngày 04/12/2022, T mua của L: 65.000.000 đồng tiền đề (số tiền thực trả: 47.450.000 đồng) và 600 điểm lô x 22.500 đồng = 13.500.000 đồng. Trúng 200 điểm lô x 80.000 đồng/1điểm = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 94.500.000 đồng (L thắng 44.950.000 đồng).

+ Lần 3: Ngày 05/12/2022, T mua của L: 8.000.000 đồng tiền đề (số tiền thực trả: 5.840.000 đồng) và 600 điểm lô x 22.500 đồng = 13.500.000 đồng. Không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là: 21.500.000 đồng, (L thắng 19.340.000 đồng).

+ Lần 4: Ngày 06/12/2022, T mua của L: 28.000.000 đồng tiền đề (số tiền thực trả: 20.440.000 đồng). Không trúng thưởng (L thắng 20.440.000 đồng).

+ Lần 5: Ngày 08/12/2022, T mua của L: 10.000.000 đồng tiền đề (số tiền thực trả: 7.300.000 đồng) và 400 điểm lô x 22.500 đồng = 9.000.000 đồng. Không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc là: 19.000.000 đồng, (L thắng 16.300.000 đồng).

+ Lần 6: Ngày 10/12/2022, T mua của L 300 điểm lô x 22.500 đồng = 6.750.000 đồng. Không trúng thưởng (L thắng 6.750.000 đồng).

+ Lần 7: Ngày 11/12/2022, T mua của L 600 điểm lô x 22.500 đồng = 13.500.000 đồng. Không trúng thưởng (L thắng 13.500.000 đồng).

+ Lần 8: Ngày 12/12/2022, T mua của L: 500 điểm lô x 22.500 đồng = 11.250.000 đồng. Trúng 200 điểm lô x 80.000 đồng/1điểm = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 27.250.000 đồng (L chuyển bảng lô cho Linh).

+ Lần 9: Ngày 13/12/2022, T mua của L 600 điểm lô x 22.500 đồng = 13.500.000 đồng. Bị bắt, ngăn chặn trước khi mở thưởng.

Tổng cộng L bán 09 lần số lô, số đề cho Nguyễn Văn T như đã nêu trên với tổng số tiền là: 123.000.000đ + 94.500.000đ + 21.500.000đ + 28.000.000đ + 19.000.000đ + 6.750.000đ + 13.500.000đ + 27.250.000đ + 13.500.000đ = 347.000.000 đồng.

Tổng số tiền Bùi Kim L dùng để đánh bạc với C và T là: 317.442.000đ + 347.000.000đ = 664.442.000 đồng.

1.2. Về hành vi tổ chức đánh bạc:

Ngày 12/12/2022, Bùi Kim L chuyển bảng số lô, số đề cho Đào Ngọc U với số tiền là 11.000.000 đồng (đã trừ tiền phần trăm L được hưởng), trúng 200 điểm lô = 16.000.000 đồng. Tổng tiền đánh và trúng là 27.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2022, L chuyển bảng số lô, số đề cho U tổng tiền là 17.871.000 đồng (đã trừ tiền phần trăm L được hưởng). Bị phát hiện trước khi mở thưởng nên L chưa chuyển tiền cho U.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Ngoài 9 lần mua số lô, số đề với Bùi Kim L như đã nêu trên, Nguyễn Văn T còn đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề với Nguyễn Duy N tổng số 05 lần, tiền đề được trừ 25%, tiền lô là 22.500 đồng/1 điểm, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 08/12/2022, T mua của N: 100.000.000 đồng tiền đề, được trừ 25% tổng số tiền nên số tiền thực trả: 75.000.000 đồng. Trúng 5.000.000 đồng x 70 = 350.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 450.000.000đồng (T thắng 275.000.000 đồng).

- Lần 2: Ngày 10/12/2022, T mua của N 600 điểm lô x 22.500 đồng = 13.500.000 đồng. Không trúng thưởng (N thắng 13.500.000 đồng).

- Lần 3: Ngày 11/12/2022, T mua của N 800 điểm lô x 22.500 đồng = 18.000.000 đồng. Không trúng thưởng (N thắng 18.000.000 đồng).

- Lần 4: Ngày 12/12/2022, T mua của N 3.200.000đ tiền đề, số tiền thực trả: 2.400.000đ, 100 điểm lô x 22.500 đồng = 2.250.000 đồng. Trúng 7.000.000 đồng tiền đề. Tổng số tiền đánh bạc là: 12.450.000 đồng (T thắng 2.350.000 đồng).

- Lần 5: Ngày 13/12/2022, T mua của N 300 điểm lô x 22.500 đồng = 6.750.000 đồng. Trúng 200 điểm lô = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là: 22.750.000 đồng (T thắng 9.250.000 đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Văn T đánh bạc với Nguyễn Duy N trong 05 lần nêu trên là: 450.000.000 + 13.500.000 + 18.000.000 + 12.450.000 + 22.750.000 = 516.700.000 đồng.

3. Đối với bị cáo Nguyễn Duy N: thực hiện 05 lần bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T với tổng số tiền 516.700.000 đồng như đã nêu trên. N giữ lại toàn bộ số tiền bán lô, đề rồi tự trả thưởng toàn bộ số lô, số đề cho T nếu trúng thưởng.

4. Đối với bị cáo Nguyễn Cao C: thực hiện mua, bán các số lô, số đề với Bùi Kim L tổng số 07 lần như đã nêu trên với tổng số tiền là: 38.236.000đ + 71.970.000đ + 24.786.000đ + 49.790.000đ + 79.960.000đ + 36.350.000đ + 16.350.000đ = 317.442.000 đồng.

5. Đối với bị cáo Trần Trọng G: Thực hiện 02 lần thực hiện hành vi mua các số lô, số đề của Nguyễn Đức Q với tổng số tiền là: 35.100.000 đồng, cụ thể:

-Lần 1: Ngày 12/12/2022, G mua của Q tổng 225 điểm lô x 23.000đ = 5.175.000 đồng; lô xiên 100.000 đồng. Tổng số tiền G mua là: 5.275.000 đồng, trúng 55 điểm lô x 80.000 đồng = 4.400.000 đồng. Số tiền đánh bạc là: 9.675.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/12/2022, G mua của Q tổng 250 điểm lô x 22.500 đồng = 5.625.000 đồng, lô xiên x 200.000 đồng. Tổng số tiền là: 5.825.000 đồng, trúng 195 điểm lô x 80.000 đồng = 15.600.000 đồng; trúng 100.000đ lô xiên x 40 lần = 4.000.000 đồng. Số tiền đánh bạc là: 25.425.000 đồng.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đào Ngọc U, Nguyễn Đức Q thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc; các bị cáo Đỗ Văn S, Hà Đình I thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề.

Cách thức, mức độ thắng thua khi đánh bạc: Các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức “mua bán số lô, số đề” qua gửi tin nhắn điện thoại cho nhau, sau khi có kết quả của xổ số miền Bắc mở thưởng các bị cáo đối chiếu với nhau và tính tiền thắng, thua để thanh toán. Căn cứ trúng thưởng là dựa vào kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng hàng ngày, khi so sánh số lô trùng với 1 trong hai số cuối của 27 giải từ đặc biệt đến giải bảy là trúng, nếu trùng nhiều lần sẽ nhân với số lần trùng. Đối với số đề nếu trùng với hai số cuối của giải đặc biệt là trúng thưởng. Đối với lô xiên hai hoặc xiên ba nếu trùng cả hai hoặc ba số trong hai số cuối của 27 giải là trúng thưởng. Không trùng là không trúng thưởng và người mua sẽ mất toàn bộ số tiền đã mua số lô, số đề hoặc xiên. Số lô, số đề là các số tự nhiên từ 00 đến 99, lô được tính bằng điểm, 1 điểm lô từ 21.700 đồng đến 23.000 đồng; khi trúng thưởng thì tiền trúng được tính là: số điểm x 80.000 đồng. Đề được thua với tỉ lệ 1.000 đồng x 70 lần, trúng thưởng được 70.000 đồng. Xiên hai và ba là hai hoặc ba số tự

chọn (gồm hai số hoặc ba số) tỉ lệ trúng thưởng xiên hai là 1.000 đồng x 10 lần, được 10.000 đồng; với xiên ba là 1.000 đồng x 40 lần, được 40.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2023/HS-ST ngày 15-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Kim L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Bùi Kim L, Nguyễn Duy N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G phạm tội “Đánh bạc”;

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Kim L 01 (một) năm tù, phạt bổ sung 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Kim L 04 (bốn) năm tù, phạt bổ sung 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Kim L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án; phạt bổ sung 50.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án; phạt bổ sung 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án; phạt bổ sung 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án; phạt bổ sung 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Trọng G 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án; phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21-12-2023, bị cáo Nguyễn Duy N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Ngày 25-12-2023, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 28-12-2023, các bị cáo Trần Trọng G, Nguyễn Cao C kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Bùi Kim L xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong giai đoạn phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Duy N giao nộp: Giấy xác nhận tổ giác tội phạm được Công an thành phố YB xác nhận; Giấy xác nhận gương người tốt, việc tốt được Công an xã GP, thành phố YB xác nhận và tự giác nộp toàn bộ tiền truy thu, tiền phạt, án phí là 56.700.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp: Giấy xác nhận là người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm pháp luật do Công an xã MQ, huyện TY xác nhận; Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác phát triển kinh tế hộ gia đình.

Bị cáo Nguyễn Cao C giao nộp 02 Giấy xác nhận là người cung cấp thông tin về án N trật tự của Công an xã CT, huyện VC và Công an phường MT, thành phố YB; 03 Giấy khen về thành tích trong lao động sản xuất.

Bị cáo Trần Trọng G giao nộp Giấy xác nhận là người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm pháp luật được Công an xã AL, thành phố YB xác nhận.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác định Bản án sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo Bùi Kim L giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G bổ sung kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm đề nghị: Căn cứ Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Kim L, chấp nhận kháng cáo của các Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2023/HS-ST ngày 15-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái theo hướng:

- Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Bùi Kim L.

- Áp dụng thêm điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy N để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G.

- Áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G bằng hình phạt Cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập mỗi bị cáo từ 5%-20% trong thời gian chấp hành án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm thì các cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kháng cáo của các bị cáo Bùi Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo Bùi Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó đã đủ căn cứ kết luận:

[2.1] Đối với bị cáo Bùi Kim L đã nhiều lần thực hiện hành vi Đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán các số lô, số đề; cụ thể: Từ ngày 22-11-2022 đến ngày 28-11-2022, L đã 07 lần bán số lô, số đề cho Nguyễn Cao C với tổng số tiền là: 317.442.000 đồng; Từ ngày 03-12-2022 đến ngày 13-12-2022, L đã 08 lần bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T với tổng số tiền là: 347.000.000 đồng. Tổng số tiền L dùng vào việc đánh bạc của các lần nêu trên là 664.442.000 đồng.

Về hành vi tổ chức đánh bạc: Bùi Kim L sau khi bán các số lô, số đề đã 02 lần thực hiện chuyển bảng số lô, số đề cho Đào Ngọc U để hưởng phần trăm hoa hồng. Cụ thể: Ngày 12-12-2022, L chuyển bảng số lô, số đề với số tiền (Gồm tiền đánh lô, đề và trúng thưởng) là 27.000.000 đồng; ngày 13-12-2022, L chuyển bảng số lô, số đề với tổng số tiền là 17.871.000 đồng.

Do có các hành vi nêu trên, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Bùi Kim L về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức đánh bạc theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là đúng.

[2.2.] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Từ ngày 03-12-2022 đến ngày 13-12-2022, bị cáo T đã 09 lần thực hiện hành vi mua số lô, số đề của Bùi Kim L với tổng số tiền là: 347.000.000 đồng; và 05 lần thực hiện hành vi mua số lô, đề của Nguyễn Duy N tổng số tiền là: 516.700.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn T dùng để đánh bạc là 863.700.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Văn T về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng.

[2.3.] Đối với bị cáo Nguyễn Duy N: Từ ngày 08-12-2022 đến ngày 13-12-2022, bị cáo N đã 05 lần thực hiện hành vi bán số lô, số đề với Nguyễn Văn T với

tổng số tiền dùng để đánh bạc là: 516.700.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Duy N về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng.

[2.4.] Đối với bị cáo Nguyễn Cao C: Từ ngày 22-11-2022 đến ngày 28-11-2022, bị cáo C đã 07 lần thực hiện hành vi mua bán các số lô với Bùi Kim L với số tiền dùng để đánh bạc là: 317.442.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Cao C về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng.

[2.5.] Đối với bị cáo Trần Trọng G: Trong 02 ngày 12 và 13-12-2022 đã 02 lần thực hiện hành vi mua bán số lô và lô xiên với Nguyễn Đức Q với tổng số tiền là: 35.100.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Trần Trọng G về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng.

[3] Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò phạm tội, nhân thân của từng bị cáo. Bản án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Cao C lập công tố giác tội phạm được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T được tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống bão lũ; bị cáo Nguyễn Duy N được ghi nhận gương người tốt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với từng bị cáo là phù hợp.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Duy N xuất trình thêm tình tiết mới là người lập công tố giác tội phạm, được cơ quan Công an xác nhận, đồng thời nộp đủ toàn bộ tiền phạt, tiền truy thu và án phí sơ thẩm, nên bị cáo N được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T xuất trình thêm Giấy xác nhận là người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm pháp luật và Giấy khen nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Cao C xuất trình thêm 02 Giấy xác nhận là người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm pháp luật và 03 Giấy khen về thành tích trong lao động sản xuất, nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Trọng G xuất trình Giấy xác nhận là người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm pháp luật nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm, được Hội đồng xét xử cân nhắc khi giải quyết kháng cáo của các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Kim L, Hội đồng xét xử thấy bị cáo L là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo phạm nhiều tội,

số tiền đánh bạc lớn. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để giảm hình phạt cho bị cáo L.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Duy N, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đây là căn cứ để xử phạt bị cáo N với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo này đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; trước khi phạm tội đều là người chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú và nơi làm việc. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Trọng G phạm tội thuộc khung hình phạt ít nghiêm trọng. Từ những tình tiết nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và mức độ phạm tội cho thấy các bị cáo này có khả năng tự cải tạo, sửa chữa sai lầm mà không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù. Do đó, Hội đồng chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G, chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà vẫn đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo bị khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Kim L; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2023/HS-ST ngày 15-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái về phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Kim L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 355; Điều 356; điểm c, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Kim L; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G. Sửa

Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2023/HS-ST ngày 15-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Kim L phạm các tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Duy N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Bùi Kim L:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Kim L 04 (Bốn) năm tù, phạt bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Kim L 01 (Một) năm tù, phạt bổ sung 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Kim L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (Năm) năm tù, phạt bổ sung 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.3. Đối với bị cáo Nguyễn Duy N:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Duy N cho Ủy ban nhân dân phường NC, thành phố YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.4. Đối với bị cáo Nguyễn Cao C:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo

Nguyễn Cao C năm 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Cao C cho Ủy ban nhân dân phường HM, thành phố YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Trọng G 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 10.000.000đ (Mười triệu đồng); khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Trọng G cho Ủy ban nhân dân xã AL, thành phố YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện các G vụ quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Bùi Kim L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Cao C, Trần Trọng G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TACC; VKSCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Yên Bái;
- TAND Tp Yên Bái (5);
- VKSND Tp Yên Bái;
- Cq CSĐT-CA Tp Yên Bái;
- Cq THAHS-CA Tp Yên Bái;
- Chi cục THADS Tp Yên Bái;
- Bị cáo (5);
- Lưu: HS(2), TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng

